

**PHỤ LỤC X. ĐƠN GIÁ HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC CỦA TRẠM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG  
KHÔNG KHÍ TỰ ĐỘNG LIÊN TỤC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND, ngày / /2020 của UBND tỉnh Bình Định)*

*Đơn vị tính: đồng*

| Stt      | Mã hiệu  | Thông số   | Chi phí lao động kỹ thuật | Chi phí công cụ dụng cụ | Chi phí khấu hao TSCĐ | Chi phí vật liệu | Chi phí năng lượng | Chi phí trực tiếp       | Chi phí quản lý chung | Đơn giá sản phẩm | Đơn giá sản phẩm (không tính KHTSCĐ) |
|----------|--|--|---------------------------|-------------------------|-----------------------|------------------|--------------------|-------------------------|-----------------------|------------------|--------------------------------------|
| (1)      | (2)  | (3)  | (4)                       | (5)                     | (6)                   | (7)              | (8)                | (9)=(4)+(5)+(6)+(7)+(8) | (10)=(9)x20%          | (11)=(9)+(10)    | (12)=(11)-(6)-(20%ax(6))             |
| <b>I</b> | <b>Hoạt động quan trắc không khí của trạm quan trắc tự động cố định liên tục</b> |  |                           |                         |                       |                  |                    |                         |                       |                  |                                      |
| 1        | KKC1a  | Modul quan trắc khí tượng (Meteorology), đo thông số nhiệt độ          | 25.700                    | 26.744                  | 19.795                | 13.480           | 4.513              | <b>90.232</b>           | <b>18.046</b>         | <b>108.278</b>   | <b>84.524</b>                        |
| 2        | KKC1b  | Modul quan trắc khí tượng (Meteorology), đo thông số độ ẩm             | 25.700                    | 26.744                  | 19.795                | 13.480           | 4.513              | <b>90.232</b>           | <b>18.046</b>         | <b>108.278</b>   | <b>84.524</b>                        |
| 3        | KKC1c  | Modul quan trắc khí tượng (Meteorology) đo thông số tốc độ gió         | 25.700                    | 26.744                  | 19.795                | 13.480           | 4.513              | <b>90.232</b>           | <b>18.046</b>         | <b>108.278</b>   | <b>84.524</b>                        |
| 4        | KKC1d  | Modul quan trắc khí tượng (Meteorology), đo thông số hướng gió         | 25.700                    | 26.744                  | 19.795                | 13.480           | 4.513              | <b>90.232</b>           | <b>18.046</b>         | <b>108.278</b>   | <b>84.524</b>                        |
| 5        | KKC1đ  | Modul quan trắc khí tượng (Meteorology), đo thông số bức xạ mặt trời   | 25.700                    | 26.744                  | 19.795                | 13.480           | 4.513              | <b>90.232</b>           | <b>18.046</b>         | <b>108.278</b>   | <b>84.524</b>                        |
| 6        | KKC1e  | Modul quan trắc khí tượng (Meteorology), đo thông số áp suất khí quyển | 25.700                    | 26.744                  | 19.795                | 13.480           | 4.513              | <b>90.232</b>           | <b>18.046</b>         | <b>108.278</b>   | <b>84.524</b>                        |
| 7        | KKC2a  | Modul quan trắc Bụi TSP  | 52.333                    | 15.452                  | 19.854                | 103.600          | 7.198              | <b>198.438</b>          | <b>39.688</b>         | <b>238.125</b>   | <b>214.300</b>                       |
| 8        | KKC2b  | Modul quan trắc Bụi PM-10  | 52.333                    | 15.452                  | 19.854                | 103.600          | 7.198              | <b>198.438</b>          | <b>39.688</b>         | <b>238.125</b>   | <b>214.300</b>                       |
| 9        | KKC2c  | Modul quan trắc Bụi PM-2,5   | 52.333                    | 15.452                  | 19.854                | 103.600          | 7.198              | <b>198.438</b>          | <b>39.688</b>         | <b>238.125</b>   | <b>214.300</b>                       |
| 10       | KKC2d  | Modul quan trắc Bụi PM-1   | 52.333                    | 15.452                  | 19.854                | 103.600          | 7.198              | <b>198.438</b>          | <b>39.688</b>         | <b>238.125</b>   | <b>214.300</b>                       |
| 11       | KKC3a  | Modul quan trắc khí NO   | 52.333                    | 27.357                  | 30.435                | 107.465          | 7.198              | <b>224.789</b>          | <b>44.958</b>         | <b>269.747</b>   | <b>233.225</b>                       |
| 12       | KKC3b  | Modul quan trắc khí NO <sub>2</sub>                                    | 52.333                    | 27.357                  | 30.435                | 107.465          | 7.198              | <b>224.789</b>          | <b>44.958</b>         | <b>269.747</b>   | <b>233.225</b>                       |
| 13       | KKC3c  | Modul quan trắc khí NO <sub>x</sub>                                    | 52.333                    | 27.357                  | 30.435                | 107.465          | 7.198              | <b>224.789</b>          | <b>44.958</b>         | <b>269.747</b>   | <b>233.225</b>                       |
| 14       | KKC4   | Modul quan trắc khí SO <sub>2</sub>                                    | 52.333                    | 27.357                  | 34.169                | 134.100          | 7.198              | <b>255.158</b>          | <b>51.032</b>         | <b>306.190</b>   | <b>265.187</b>                       |
| 15       | KKC5   | Modul quan trắc khí CO   | 52.333                    | 27.357                  | 33.352                | 130.500          | 7.198              | <b>250.741</b>          | <b>50.148</b>         | <b>300.889</b>   | <b>260.867</b>                       |
| 16       | KKC6   | Modul quan trắc O <sub>3</sub>   | 52.333                    | 27.357                  | 25.241                | 73.130           | 7.198              | <b>185.260</b>          | <b>37.052</b>         | <b>222.313</b>   | <b>192.023</b>                       |

| Stt   | Mã hiệu | Thông số   | Chi phí lao động kỹ thuật | Chi phí công cụ dụng cụ | Chi phí khấu hao TSCĐ | Chi phí vật liệu | Chi phí năng lượng | Chi phí trực tiếp       | Chi phí quản lý chung | Đơn giá sản phẩm | Đơn giá sản phẩm (không tính KHTSCĐ) |
|---|---------|--|---------------------------|-------------------------|-----------------------|------------------|--------------------|-------------------------|-----------------------|------------------|--------------------------------------|
| (1)   | (2)     | (3)  | (4)                       | (5)                     | (6)                   | (7)              | (8)                | (9)=(4)+(5)+(6)+(7)+(8) | (10)=(9)x20%          | (11)=(9)+(10)    | (12)=(11)-(6)-(20%x(6))              |
| 17  | KKC7    | Modul quan trắc THC  | 52.333                    | 27.357                  | 36.475                | 128.150          | 7.198              | <b>251.514</b>          | <b>50.303</b>         | <b>301.817</b>   | <b>258.047</b>                       |
| 18  | KKC8    | Modul quan trắc BTEX   | 52.333                    | 26.725                  | 34.963                | 132.410          | 7.472              | <b>253.904</b>          | <b>50.781</b>         | <b>304.684</b>   | <b>262.729</b>                       |
| <b>II Hoạt động quan trắc không khí của trạm quan trắc tự động di động liên tục</b> |         |  |                           |                         |                       |                  |                    |                         |                       |                  |                                      |
| 1   | KKD1a   | Modul quan trắc khí tượng (Meteorology), đo thông số nhiệt độ          | 28.037                    | 48.339                  | 14.793                | 13.480           | 10.907             | <b>115.557</b>          | <b>23.111</b>         | <b>138.668</b>   | <b>120.916</b>                       |
| 2   | KKD1b   | Modul quan trắc khí tượng (Meteorology), đo thông số độ ẩm             | 28.037                    | 48.339                  | 14.793                | 13.480           | 10.907             | <b>115.557</b>          | <b>23.111</b>         | <b>138.668</b>   | <b>120.916</b>                       |
| 3   | KKD1c   | Modul quan trắc khí tượng (Meteorology) đo thông số tốc độ gió         | 28.037                    | 48.339                  | 18.294                | 13.480           | 10.907             | <b>119.058</b>          | <b>23.812</b>         | <b>142.869</b>   | <b>120.916</b>                       |
| 4   | KKD1d   | Modul quan trắc khí tượng (Meteorology), đo thông số hướng gió         | 28.037                    | 48.339                  | 14.619                | 13.480           | 10.907             | <b>115.382</b>          | <b>23.076</b>         | <b>138.459</b>   | <b>120.916</b>                       |
| 5   | KKD1đ   | Modul quan trắc khí tượng (Meteorology), đo thông số bức xạ mặt trời   | 28.037                    | 48.339                  | 17.546                | 13.480           | 10.907             | <b>118.310</b>          | <b>23.662</b>         | <b>141.972</b>   | <b>120.916</b>                       |
| 6   | KKD1e   | Modul quan trắc khí tượng (Meteorology), đo thông số áp suất khí quyển | 28.037                    | 48.339                  | 17.493                | 13.480           | 10.907             | <b>118.256</b>          | <b>23.651</b>         | <b>141.907</b>   | <b>120.916</b>                       |
| 7   | KKD2a   | Modul quan trắc bụi TSP  | 52.333                    | 41.505                  | 23.120                | 82.980           | 10.907             | <b>210.845</b>          | <b>42.169</b>         | <b>253.014</b>   | <b>225.271</b>                       |
| 8   | KKD2b   | Modul quan trắc bụi PM <sub>10</sub>                                   | 52.333                    | 41.505                  | 23.120                | 82.980           | 10.907             | <b>210.845</b>          | <b>42.169</b>         | <b>253.014</b>   | <b>225.271</b>                       |
| 9   | KKD2c   | Modul quan trắc bụi PM <sub>2,5</sub>                                  | 52.333                    | 41.505                  | 23.120                | 82.980           | 10.907             | <b>210.845</b>          | <b>42.169</b>         | <b>253.014</b>   | <b>225.271</b>                       |
| 10  | KKD3a   | Modul quan trắc khí NO   | 52.333                    | 69.870                  | 57.776                | 108.530          | 10.907             | <b>299.417</b>          | <b>59.883</b>         | <b>359.300</b>   | <b>289.969</b>                       |
| 11  | KKD3b   | Modul quan trắc khí NO <sub>2</sub>                                    | 52.333                    | 69.870                  | 57.776                | 108.530          | 10.907             | <b>299.417</b>          | <b>59.883</b>         | <b>359.300</b>   | <b>289.969</b>                       |
| 12  | KKD3c   | Modul quan trắc khí NO <sub>x</sub>                                    | 52.333                    | 69.870                  | 57.776                | 108.530          | 10.907             | <b>299.417</b>          | <b>59.883</b>         | <b>359.300</b>   | <b>289.969</b>                       |
| 13  | KKD4    | Modul quan trắc khí SO <sub>2</sub>                                    | 52.333                    | 67.413                  | 50.187                | 125.330          | 10.907             | <b>306.171</b>          | <b>61.234</b>         | <b>367.405</b>   | <b>307.180</b>                       |
| 14  | KKD5    | Modul quan trắc khí CO   | 52.333                    | 79.486                  | 20.863                | 128.530          | 10.907             | <b>292.119</b>          | <b>58.424</b>         | <b>350.543</b>   | <b>325.507</b>                       |
| 15  | KKD6    | Modul quan trắc O <sub>3</sub>   | 52.333                    | 76.120                  | 25.510                | 67.010           | 10.907             | <b>231.881</b>          | <b>46.376</b>         | <b>278.257</b>   | <b>247.645</b>                       |
| 16  | KKD7    | Modul quan trắc C <sub>x</sub> H <sub>y</sub>                          | 52.333                    | 74.678                  | 27.243                | 104.930          | 12.150             | <b>271.334</b>          | <b>54.267</b>         | <b>325.601</b>   | <b>292.909</b>                       |

**\*Ghi chú:** Đơn giá này chưa bao gồm: Thuế giá trị gia tăng; phụ cấp khu vực; phụ cấp lưu động; phụ cấp trách nhiệm; Chi phí cho công việc chuẩn bị sàn thao tác, lỗ lấy mẫu; Chi phí vận chuyển từ đơn vị quan trắc đến địa bàn quan trắc và trở về sau khi kết thúc công việc.